

*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
HỆ TẬP TRUNG A55B, KHÓA HỌC 2025 - 2026**
Thi hết phần A: III. Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa;
IV. Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày thi: 02 tháng 6 năm 2025

Thời gian: 180 phút

Phòng học số: 06

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Huỳnh Thị Mỹ Ái	09/6/1994					Vắng có lý do
02	Bùi Đức An	18/11/1993	02		28	75	Đáp, năm
03	Phan Hữu Ân	01/9/1994	03		16	75	Đáp, năm
04	Nguyễn Tú Anh	22/10/1990	03		12	80	Tam
05	H Nghìn Ayün	24/02/2004	03		7	75	Đáp, năm
06	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	19/02/1990	03		48	75	Đáp, năm
07	Nguyễn Hà Ngọc Dũng	10/3/1995	03		24	85	Tam, năm
08	Hà Ngọc Dưỡng	26/7/1994	03		23	75	Đáp, năm
09	Lê Minh Hải	21/10/1981	03		15	75	Đáp, năm
10	Trương Thị Thuý Hằng	20/8/1992	04		40	80	Tam
11	Giàng Seo Hồ	23/6/2000	03		6	75	Đáp, năm
12	Nguyễn Tiến Hoài	23/12/1981	02		31	70	Đáp
13	Nguyễn Thị Hường	17/8/1993	04		39	80	Tam
14	H' Huệ Hwing	27/4/1996	02		30	80	Tam
15	Nay Thit Nhi Kđoh	03/3/1994	03		13	75	Đáp, năm
16	Nguyễn Thị Hồng Liên	02/9/1991	03		25	80	Tam
17	Bùi Thị Mai	20/12/1991	02		27	70	Đáp
18	Y Khương Mlô	23/11/2000	03		11	75	Đáp, năm
19	Vũ Văn Nam	15/10/1981	03		20	85	Tam, năm

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký 2 nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
20	Nguyễn Trần Thu Nga	02/02/1994	04		42	8,25	Tám hai năm
21	Nguyễn Thị Kim Ngân	05/02/2002	03		19	8,0	Tám
22	Nguyễn Lê Như Ngọc	25/6/1985	04		47	7,75	Bảy bảy năm
23	Đoàn Tô Trọng Nhân	04/10/1994	04		38	8,0	Tám
24	Trần Hồng Nhung	25/9/1997	04		45	8,0	Tám
25	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	08/6/1993	03		2	8,0	Tám
26	Mai Thị Hồng Nhung	17/3/1992	03		46	7,75	Bảy bảy năm
27	Võ Tiến Phương Niê	30/5/1990	04		37	8,5	Tám năm
28	Đinh Quốc Phong	04/4/1985	03		14	8,0	Tám
29	Nguyễn Lương Phúc	19/8/1991	02		26	7,0	Bảy
30	Lê Thị Phương	20/9/1993	04		43	7,75	Bảy bảy năm
31	Thái Hồng Quân	28/6/1986	02		35	7,0	Bảy
32	Lê Thị Quyên	10/10/1992	04		44	8,0	Tám
33	Nguyễn Văn Quyết	11/9/1987	02		34	7,25	Bảy hai năm
34	Vũ Ngọc Sơn	05/9/1990	03		41	7,5	Bảy năm
35	Nguyễn Văn Thắng	01/4/1989	03		21	7,5	Bảy năm
36	Nguyễn Thị Thơm	20/02/1992	Bảo lưu kết quả QĐ số: 320/QĐ-TCT, ngày 22/5/2025				
37	Lý Thị Thu	13/11/1995	03		10	7,75	Bảy bảy năm
38	Nguyễn Vũ Thuận	17/02/1986	02		32	7,0	Bảy
39	Lê Thị Thương	16/01/1999	03		17	7,75	Bảy bảy năm
40	Nguyễn Thị Tịnh	11/11/1988	03		5	8,0	Tám
41	Huỳnh Thị Thuỷ Trang	20/8/1992	03		3	8,0	Tám
42	Bùi Thị Thảo Trang	30/10/1993	03		22	7,75	Bảy bảy năm
43	Hà Văn Trung	09/4/1987	03		9	8,0	Tám
44	Nguyễn Duy Trung	12/6/1988	02		29	7,0	Bảy
45	Đặng Minh Tuấn	14/5/1992	02		33	7,0	Bảy

TRƯỜNG
HÌNH T

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký ³ nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
46	Nông Hữu Tuý	26/12/1996	02		36	8,5	Đáp, hai năm
47	Nguyễn Thị Thảo Uyên	18/01/1996	03		4	8,0	Tam
48	Hoàng Thị Tường Vi	15/01/1991	03		18	8,5	Đáp, bảy năm
49	Ksor Sáo Bun	01/01/1992	03		8	8,5	Tam, hai năm
50	Võ Trung Vĩnh	02/02/1983	05		1	7,5	Bảy, năm

Tổng số học viên theo danh sách:.....50.....học viên;

Số học viên đủ điều kiện thi:.....49.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi:.....01.....học viên;

Số học viên vắng thi:.....01.....học viên; Trong đó: có lý do:.....01.....học viên; không có lý do:.....học viên;

Số bài thi hiện có:.....48.....bài/.....142.....tờ.

GIÁM THỊ 1

Trịnh Thị Thu Mỹ

GIÁM THỊ 2

Nguyễn Thị Thắm

Ngày.....10.....tháng.....6.....năm 2025

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Phạm Văn Đức

Ngày.....10.....tháng.....6.....năm 2025

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG KHOA

Đỗ Thị Kiều

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

TS. Lê Duyên Hà



Nguyễn Thị Thu

